

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2024

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoài Phương

2. Bà Hoàng Thị My

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên tòa:** Ông Bạch Đình Hồng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị L (Có mặt), sinh năm 1975.

Địa chỉ: Bon K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn L (Vắng mặt), sinh năm 1970.

Nơi cư trú cuối cùng: Bon K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị Lê Thị L (nguyên đơn) trình bày:** Chị Lê Thị L và anh Trần Văn L đã kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 13/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ. Hôn nhân giữa bà L và ông L là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Chị L và anh L không có tài sản gì chung, không nợ ai.

Thời gian đầu mới kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách khác nhau, hay cãi nhau anh, không quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đó làm. Vợ chồng đã không chung sống với nhau từ đầu năm 2017, đây cũng là thời điểm ông L bỏ đi khỏi địa phương (nhà) từ năm 2017 đến nay không về nhà và cũng không có tin tức gì của anh L. Do đó, chị L đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong tuyên bố anh Trần Văn L bị mất tích và ngày 22/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông đã có Quyết định số 01/2024/QĐST-VDS về việc tuyên bố ông Trần Văn L mất tích và từ đó đến nay vẫn không có tin tức gì của ông L.

Quan điểm, nguyện vọng của chị L về giải quyết vụ án:

- + Về quan hệ hôn nhân: Chị L xin ly hôn với ông Trần Văn L
- + Về nuôi con chung: Không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.
- + Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với anh Trần Văn L (bị đơn)*: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong đã tiến hành niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải đoàn tụ, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, xét xử tại nơi cư trú cuối cùng của anh Trần Văn L nhưng anh L vẫn vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp và hòa giải, xét xử tại Tòa án và không có tin tức gì của anh L. Do anh Trần Văn L vắng mặt tại Tòa án nên không có lời khai cũng như không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Trần Văn L phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; đối với bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị L được ly hôn với ông Trần Văn L
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
- Về án phí: bà Lê Thị L phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### 1. Về thủ tục tố tụng:

[1]1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Văn L đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (anh Trần Văn L) trước khi bị Tòa án tuyên bố mất tích có đăng ký thường trú và sinh sống tại bon K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]1.3. Về sự vắng mặt của các đương sự: Đối với anh Trần Văn L (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong triệu tập hợp lệ đến 02 lần (tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có tin tức gì của anh L, anh L vẫn vắng mặt mà không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

### 2. Về nội dung vụ án:

[4]2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 13/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ; việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn; vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách khác nhau, hay cãi nhau anh, không quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đó làm. Vợ chồng đã không chung sống với nhau từ đầu năm 2017, đây cũng là thời điểm anh L bỏ đi khỏi địa phương (nhà) từ năm 2017 đến nay không về nhà và cũng không có tin tức gì của anh L. Do vậy, chị L đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong tuyên bố anh Trần Văn L mất tích và ngày 22/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông đã có Quyết định số 01/2024/QĐST-VDS về việc tuyên bố ông Trần Văn L mất tích và từ đó đến nay vẫn không có tin tức gì của ông L; hôn nhân giữa chị L và anh L thật sự không đạt được mục đích. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L.

[5]2.2 Về nuôi con chung: Vợ chồng chị L và anh L không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] 2.4 Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh L và chị L không có tài sản gì chung, không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn tài sản gì và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7]3. Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8]Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L đối với anh Trần Văn L về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Trần Văn L (chấm dứt quan hệ hôn nhân).

2. Về nuôi con chung: Không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002046 ngày 19/4/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Nguyễn Trung Dũng**